

Số: 258/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 253/2026/TLST-HNGĐ ngày 21-5-2026 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Trung D**, sinh năm: 1976; địa chỉ: **tổ H, khu F, phường B, tỉnh Quảng Ninh**.

2. Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1979; địa chỉ: **tổ H, khu F, phường B, tỉnh Quảng Ninh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Trung D** và chị **Lê Thị P** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 29-02-2001; nên hôn nhân của anh **D** và chị **P** là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh **D** và chị **P** chung sống hạnh phúc, đến tháng 9-2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh **D** ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Anh **D1** và chị **P** đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh **D1** và chị **P** đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh **D1** và chị **P** thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: quá trình chung sống, anh **D1** và chị **P** có 02 con chung là **Nguyễn Huy H**, sinh ngày 14-10-2003 và **Nguyễn Ngọc N**, sinh ngày 30-11-2010. Ly hôn, con chung **Nguyễn Huy H** đã thành niên, phát triển bình thường nên anh **D1** và chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **D1** và chị **P** thỏa thuận giao con

chung là Nguyễn Ngọc N cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc N. Anh Dũng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc N mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh D1 và chị P là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D1 và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh D1 và chị P là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Dũng và chị P thỏa thuận chị P có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 01-6-2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung D và chị Lê Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ly hôn, con chung Nguyễn Huy H, sinh ngày 14-10-2003 (đã thành niên), phát triển bình thường nên anh D và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh D và chị P thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30-11-2010 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc N. Anh Dũng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc N mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Dũng và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh D1 và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị P có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị P đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 186 ngày 22-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Q; chị P đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga